

# Nhạc sĩ Cao Văn Lầu và bài Dạ cổ hoài lang

Bùi Thụy Đào Nguyên

*Cao Văn Lầu (Sáu Lầu) là nhạc sĩ và là tác giả bài Dạ cổ hoài lang, một bài ca độc đáo và nổi tiếng nhất trong nghệ thuật ca Cải lương Việt Nam.*

## Phần I - Nhạc sĩ Cao Văn Lầu

Cao Văn Lầu sinh ngày 22 tháng 12 năm 1892 tại xóm Cái Cui, làng Chí Mỹ, sau sát nhập với làng Thuận Lễ trở thành xã Thuận Mỹ, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An.

Cuộc đời ông đã trải qua những biến đổi sau:

Vào một đêm tối trời vào năm 1896, có 20 gia đình nông dân ở xóm Cái Cui, vì không chịu nổi cảnh nghèo và cảnh hà khắc của các thế lực ở địa phương nên đã xuống ghe xuồng, chèo chống về phía Nam để tìm nơi sinh sống. Trong số này có gia đình Cao Văn Giỏi (Chín Giỏi), gồm hai vợ chồng ông và sáu đứa con, trong số đó có chú bé Cao Văn Lầu.

Buổi đầu, ông Chín Giỏi xin tá túc với một người bà con ở Gia Hội (Bạc Liêu). Sau 9 tháng đi làm mướn cật lực mà không đủ ăn, gia đình ông lại phải lui ghe dờ sang Xà Phiến (nay thuộc Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang) để khai hoang làm ruộng. Hơn một năm sau, hơn 40 công đất do biết bao khó nhọc mới có được, bị địa chủ tìm cách chiếm lấy. Nhờ một người quen giới thiệu, gia đình ông Chín Giỏi dọn về Họng Chàng Bè (Giá Rai, Bạc Liêu) để tiếp tục khai khẩn đất hoang, nhưng rồi số đất ở đây về sau cũng về tay kẻ khác.

Lâm cảnh trắng tay, nhưng thời may có một người tốt bụng là hương sư Chơn ở làng Vĩnh Lợi tổng Thạnh Hòa cho cất một căn chòi lá ở trên đất công điền gần chùa Vĩnh Phước An (nay thuộc phường hai, thị xã Bạc Liêu). Ở đó, vợ chồng ông và các con phải đi làm thuê, đi cầu để chạy ăn từng bữa.

Hòa thượng Minh Bảo (? - 1912), trụ trì chùa Vĩnh Phước An thấy gia đình ông Chín Giỏi vất vả quá mà không đủ ăn, nên bàn với ông cho Cao Văn Lầu, lúc đó mới 8 tuổi, vào ở chùa để bớt đi một phần gánh nặng. Kể từ đó Cao Văn Lầu, ngày tụng kinh và làm việc cho chùa, đêm được nhà sư dạy chữ nho.

Năm 1903, ông Chín Giỏi đến xin sư trụ trì cho Cao Văn Lầu trở về nhà để học chữ quốc ngữ. Nhưng học đến "lớp nhì năm thứ hai" (Cours moyen 2e année) tức lớp 4 ngày nay, thì ông phải thôi học vì nhà gặp thêm cảnh khó: anh đi ở rẫy, chị lấy chồng, cha già yếu...

Vậy là, năm 15 tuổi (1907), Cao Văn Lầu phải thay cha và anh chị đi làm những việc nặng nhọc để nuôi gia đình.

Lúc bấy giờ tại xóm Rạch Ông Bồn có một thầy đàn nổi tiếng tên Lê Tài Khí, tục gọi Hai Khí hay Nhạc Khí. Ông thầy này bị mù cả hai mắt thêm có tật ở chân (1) nhưng ngón đàn của ông thật điêu luyện.

Năm 1908, Cao Văn Lầu nhờ cha dẫn đến thầy Hai Khí để xin học đàn mỗi đêm.

Nhờ yêu thích và siêng năng, ông mau chóng sử dụng thành thạo các loại nhạc cụ như đàn tranh, cò, kim, trống lếch; và trở thành một nhạc sĩ nòng cốt trong ban cổ nhạc của thầy.

Năm 1912, ông bắt đầu đi hát với Sáu Thìn và cô Phần với bài Tứ đại oán "Bùi Kiệm thi rớt".

Năm 21 tuổi (1913), Cao Văn Lầu vâng lệnh cha mẹ đi cưới vợ, đó là cô Trần Thị Tấn, một cô gái nét na ở điền Tư Ô (Chung Bá Khánh).

Khoảng thời gian này, ông sáng tác được một bản ngắn mang tên "Bá điều" sau đổi lại "Thu phong" gồm tám câu nhịp bốn. Bản này sau đó được soạn giả Trịnh Thiên Tư đặt lời ca Mừng khi gặp bạn và đã ghi lại trong sách "Ca nhạc cổ điển".

Năm 1917, ông sáng tác thêm một khúc gồm 22 câu, theo một chủ đề của thầy Nhạc Khí đề xướng là "Chinh phụ vọng chinh phu" (chủ đề được rút ra từ bản Nam ai "Tô Huệ chức cầm hồi văn") nhưng chưa kịp sửa chữa và trình thầy thì gặp nghịch cảnh đau lòng. Vợ ông đã ba năm mà vẫn chưa có dấu hiệu thai nghén,

theo tục xưa, cha mẹ buộc ông phải trả vợ về nhà cha mẹ ruột.

Khoảng một năm trôi qua, kể từ ngày vợ ra đi, Sáu Lầu vẫn như kẻ mất hồn. Sau, vì quá nhớ thương, vợ chồng ông thi thoảng vẫn lén lút gặp nhau. Nhờ vậy, cả hai cũng vui đi phần nào nỗi buồn tủi (ít lâu sau vợ ông thụ thai, hai người mới được phép xum họp). Trong tâm trạng đó, bản nhạc 22 câu viết dở dang từ năm trước, được đem ra soạn lại. Được một bạn đồng môn tên Ba Chột, ông bỏ bớt 2 câu trùng lặp, bài nhạc còn chẵn 20 câu nhịp đôi.

Tết Trung thu năm 1918 (15 tháng 8 âm lịch năm Mậu Ngọ, nhằm ngày 19 tháng 9 năm 1918. Ghi theo "Bản về thời điểm ra đời và nguồn gốc của bản Dạ cổ hoài lang" và "Từ điển nhân vật lịch sử", sẽ nói thêm ở phần Dạ cổ hoài lang), ông cùng các bạn đến thăm thầy, luôn tiện trình bày bản nhạc chưa có tên trên. Nghe xong, thầy Nhạc Khị hết sức khen ngợi:

*"Tưởng đâu hoàn cảnh gia đình của con đã làm dở dang việc sáng tác, ai ngờ lại đạt được thành quả lớn lao thế này, quả là con không phụ công dạy dỗ..."*

Đêm đó có nhà sư Nguyệt Chiếu cùng tham dự, thầy Nhạc Khị liền nhờ nhà sư đặt tên cho bản nhạc. Nhà sư nói:

*"...Bản nhạc và lời ca của cháu Lầu tuy cũng còn vài điểm bất nhất, nhưng cái chung vẫn diễn tả được tâm tư của nàng Tô Huệ (2). Vậy cứ theo tích này mà đặt tên chung cho cả bản nhạc và lời ca của cháu là "Dạ cổ hoài lang" (Nghe tiếng trống đêm nhớ chồng)."*

Lập tức, bài ca được nhanh chóng loan truyền bởi giai điệu bài ca toát ra không chỉ là tình cảm nhớ mong chồng mà còn là nỗi buồn lớn của thời đại, tâm tư của người dân Nam Bộ khi phong trào Cần vương thất bại.

Năm 1919, làm nhạc công trong gánh hát cải lương của Ba Xú (Bạc Liêu).

Cách mạng tháng Tám thành công, ông tham gia "Mặt trận Liên Việt" ở ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Năm 1947, ông nhận nhiệm vụ đặc biệt là cứu và đã cứu được một số cán bộ bị thực dân Pháp bắt.

Từ 1918 đến năm 1974, ngoài bản "Dạ cổ hoài lang", mà sau này phát triển thành bản "vọng cổ", làm thay đổi một phần bộ mặt Cải lương; ông Cao Văn Lầu còn sáng tác thêm 10 bản nữa, nhưng đa phần chỉ lưu hành ở Bạc Liêu.

Ông mất lúc 13 giờ ngày 13 tháng 8 năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 84 tuổi.

### Chú thích:

(1) Chép theo Trần Đức Thuận. Vương Hồng Sển nói ông có tật ở tay. Và ông cũng cho biết: "Nếu phải kể công đầu, đáng làm hậu tổ cải lương, đó là ông Hai Khị ở Bạc Liêu. Nghe đâu ông sống lối năm 1915 ... Ông đầu cổ xạ, ngón tay co rút và ngo ngoe rất khó. Thế mà ông có tài riêng, không ai bắt chước được. Ai muốn thử tài cứ đến nhà, ban đầu ông giở mùng cho xem, chỉ trống, kèn, chụp chĩa trơ trơ ở trong ấy. Thế rồi khách ra ngồi salon, ông Khị chun vô mùng, một "mình ên", rồi bồng nghe trọn bộ cổ nhạc khuê động có tiết tấu nhịp nhàng y như có cả bốn năm người hòa tấu: trống xô, kèn thổi, đờn kéo ò e, chụp chĩa lũng tùng xòa...Không ai biết ông làm cách nào mà được vậy, quả là diệu thuật."(sách ghi ở mục tài liệu, tr. 46)

(2) Tô Huệ tự "Nhược Lan", người đất Thần Châu đời nhà Tấn (265-419). Nàng dung nhan kiều mị, tài đức song toàn, văn chương xuất chúng. Khi Tô được 20 tuổi cha mẹ đính gả cho hàn sĩ Đậu Thao, người cùng quê.

Sau Đậu Thao đỗ đạt làm quan, may mắn được nhậm chức tại Thần Châu, không phải đi xa.

Đang yên ả, nhưng rồi vì công vụ cần thiết, nhà vua truyền Đậu Thao ra trấn nhậm đất Lưu Sa.

Ba năm xa cách với nỗi thương nhớ triền miên, nàng lấy gấm vương độ chùng một thước, dùng chỉ ngũ sắc thêu 10 bài tứ tuyệt do mình làm.

Nàng thêu theo hình tròn ốc, từ ngoài xoáy tròn vào trung tâm bức gấm.

Xong nàng tự tay dâng lên nhà vua, nhưng cả triều đình không ai đọc được.

Được vua cho phép, nàng Tô Huệ đứng giữa triều cất tiếng ngâm với một giọng bi thiết bài "Chức cảm hồi văn".

Nhà vua quá cảm động, vội hạ chiếu cho gọi Đạm Thao về ngay.

### Tài liệu tham khảo:

-Vương Hồng Sển, "Hồi ký năm mươi năm mê hát", Nxb Trẻ, 2007.

-Trần Đức Thuận, "Cuộc đời Cao Văn Lầu và nguyên nhân ra đời bản Dạ cổ hoài lang", in trong "Nam Bộ - Đất & Người tập 2", Nxb Trẻ, 2004, tr.269-265.

-Trần Phước Thuận, "Bàn về thời điểm ra đời và nguồn gốc của Bản Dạ cổ hoài lang" in trong "Nam Bộ - Đất & Người tập 2", Nxb Trẻ, 2004, tr.266-271.

-Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, "Từ điển nhân vật lịch sử", Nxb KHXH, 1992, tr. 74-75.

## Phần II - Dạ cổ hoài lang

*Giải thích tên gọi: "Hoài" là nhớ, "lang" là người trai (ở đây là người chồng), "hoài lang" là nhớ chàng, "dạ" là đêm, "cổ" là trống, "dạ cổ" là "nghe tiếng trống về đêm" (? cổ, nghĩa là trống hoặc đánh trống). Đây là một bản nhạc cổ do nhạc sĩ Cao Văn Lầu (1892-1976) sáng tác, nói về tâm sự người vợ nhớ chồng lúc về đêm.*

Từ bản "Dạ cổ hoài lang" mỗi câu 2 nhịp, các nghệ sĩ sau này chuyển lên 4 nhịp rồi 8 nhịp, mà thành bài vọng cổ đầu tiên...

### 2. 1. Nguyên nhân ra đời

Theo một bài viết trên báo Thanh Niên (1), không đề tên tác giả, thì:

Ông Cao Văn Lầu (1892-1976) đã thổ lộ với bạn thân:

*"Tôi đặt bài này bởi tôi rất thương vợ. Năm viết bản "Dạ cổ hoài lang", tôi đã ăn ở với vợ tôi được 3 năm mà không có con...Tiếng ra, tiếng vào của gia đình buộc tôi phải thôi vợ, nhưng tôi không đành. Tôi âm thầm chống lại nghiêm lệnh của gia đình, không đem vợ trả về cho cha mẹ mà đem gởi đến một gia đình có tấm lòng nhân hậu..."*

Tác giả bài báo kể tiếp:

Trong thời gian dài, phu thê phải cam chịu cảnh "đêm đông gối chiếc cô phòng", nên nhạc sĩ Cao Văn Lầu (Sáu Lầu) đêm đêm mượn tiếng

đàn nấn nót đôi câu bót cơn phiền muộn. Ông thừa hiểu người bạn đời cũng đau xót như ông. Bản "Dạ cổ hoài lang" ra đời trong bối cảnh như thế.

Trong thời gian tác phẩm chưa hoàn chỉnh, nhạc sĩ Sáu Lầu cùng anh em tài tử địa phương đàn tới đàn lui bản này...và được anh em đề nghị thêm hai chữ "dạ cổ" (tiếng trống về đêm) cho ý nghĩa thêm sâu đậm, vì thế bản nhạc có tên hoàn chỉnh là "Dạ cổ hoài lang", tức "Đêm nghe tiếng trống nhớ chồng"...

Tác giả Trung Tín trong một bài viết (2) cho biết thêm hai lời kể nữa:

Lời kể của nhạc sĩ Hai Ngưu (năm 1978, ông Sáu Lầu có lên Sài Gòn, trú tại nhà ông Hai Ngưu):

"Trong một đêm ông Sáu Lầu trực gác tại Nhà đèn Bạc Liêu vào năm 1920, do đau khổ trong hoàn cảnh nợ duyên ngang trái, ông xúc cảm viết thành bản nhạc lòng Dạ cổ hoài lang (Đêm khuya nghe tiếng trống nhớ chồng). Sau khi bản Dạ cổ hoài lang ra đời... ít lâu sau (nhờ vợ ông có thai) hai vợ chồng ông được tái hợp, để rồi sau đó hai ông bà đã có với nhau 6 người con ..."

Và lời kể của nhà giáo Trịnh Thiên Tư với ông Chín Tâm (nguyên giảng viên trường Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ Sài Gòn):

"Năm ông Sáu Lầu 28 tuổi (1820), ông được lệnh mẹ phải thôi vợ vì lý do "tam niên vô tử bất thành thê". Ông Sáu Lầu đau khổ nhưng không dám cãi lời mẹ dạy. Chiều chiều ông ôm cây đàn kim ra sau vườn làm bạn tâm tình ♦

Bài này lúc đầu có 22 câu và ông đặt tên là Hoài lang. Danh ca Bảy Kiên nhận thấy có vài câu trùng ý, đề nghị rút lại còn 20 câu. Đồng thời ông Kiên còn thêm vào hai chữ "dạ cổ", thành ra "Dạ cổ hoài lang". Về lời ca, nhạc sĩ Sáu Lầu phóng tác theo bài thơ "Chinh phụ thán" của nhạc sư Nguyệt Chiếu - trụ trì chùa Phật Hòa Bình ở Bạc Liêu. Bài thơ mang âm hưởng tích "Tô Huệ Chức Cầm Hồi Văn" đời nhà Tần bên Tàu."

Nhưng theo lời kể của ông Trần Tấn Hưng (Năm Nhỏ) và những người đồng môn với ông

Cao Văn Lầu, thì Sáu Lầu đã soạn được phần nhạc trước khi xa vợ.

Ông Hưng kể:

Ông Cao Văn Lầu cùng các bạn học đồng thời đã được thầy là nhạc sư Lê Tài Khí (Nhạc Khí) hướng dẫn sáng tác theo một chủ đề là "Chinh phụ vọng chinh phu", được rút ra từ bản Nam ai Tô Huệ chức cấm hời vãn. Lúc đó có nhiều người sáng tác, riêng ông Cao Văn Lầu trong năm Đinh Tỵ (1917) đã sáng tác một bản nhạc 22 câu, nhưng gặp phải hoàn cảnh vợ chồng ly tán. Vì quá đau buồn nên ông không thể tiếp tục đặt lời ca, mãi đến năm sau vợ chồng hàn gắn (theo ông Trần Đức Thuận: *vi quá nhớ thương, vợ chồng ông thi thoảng vãn lên lút gặp nhau, chứ hai người chưa chính thức xum họp. Xem lại phần Cao Văn Lầu*) lại ông mới có đủ tinh thần chỉnh lý bản nhạc. Ông đã theo lời khuyên của bạn đồng môn là Ba Chột (tác giả bản Liêu Giang, tác phẩm được sáng tác cùng thời và cùng một chủ đề vừa nêu trên) bỏ bớt 2 câu trùng lặp còn lại 20 câu và tiếp tục đặt lời ca..."

Và cũng theo ông Hưng, cái tên Dạ cổ hoài lang là của một nhà sư đặt cho bản nhạc:

"Bản nhạc và lời ca đã sáng tác xong nhưng chưa có tên. Lại vừa đến rằm Trung thu (Mậu Ngọ 1918) ông Lầu cùng các bạn đến thăm thầy luôn tiện đem bản nhạc ra trình. Ông Lầu đã dùng chiếc đàn tranh vừa đọc tấu một lần và vừa đàn vừa ca thêm một lần nữa. Lúc đó, ngoài các thầy trò còn có mặt nhà sư Nguyệt Chiếu (một người rất tinh thâm Hán học và nhạc cổ truyền), chính thầy Nhạc Khí đã nhờ nhà sư đặt tên cho bản nhạc vừa tấu và nhà sư đã đặt tên là Dạ cổ hoài lang. Vậy, bản Dạ cổ hoài lang 20 câu nhịp đôi đã chính thức ra đời kể từ đêm đó."

Trần Đức Thuận ở Hội Khoa học lịch sử Bạc Liêu, trong một bài viết (sách ghi bên dưới) đã kết luận:

"Bản Dạ cổ hoài lang về nguyên nhân sáng tác tuy có dính líu một phần nào với hoàn cảnh chia ly của vợ chồng Cao Văn Lầu, nhưng nguyên nhân chính vẫn là nhờ sự hướng dẫn sáng tác của thầy Nhạc Khí với một tiêu đề định sẵn"

## 2.2 Thời điểm ra đời

Thời điểm "Dạ cổ hoài lang" ra đời, ngoài những chi tiết khá khác nhau trong lời kể ở phần trên, còn có nhiều ý kiến chưa tương đồng nữa, kể cả ông Cao Kiến Thiết và Cao Văn Bình, là hai người con của cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu cũng chưa xác định được thời điểm, vì có lúc hai ông nói năm 1919 là năm ra đời bản Dạ cổ, có lúc hai ông lại nói năm 1919 là năm đổi tên Dạ cổ thành Vọng cổ. (3)

Và theo các nhà nghiên cứu khác, thì:

-Ông Thành Châu (báo Văn học nghệ thuật, tháng 8 năm 1977), nhà thơ kiêm soạn giả cải lương Kiên Giang (Báo Long An, ngày 18 tháng 7 năm 1986), đồng cho rằng bài Dạ cổ hoài lang ra đời 1917.

-Nhạc sĩ Trọng Nguyễn (Kỷ yếu Từ Dạ cổ hoài lang, tr.40) Nghệ sĩ nhân dân Ba Vân tức Lê Long Vân (Kể chuyện cải lương, 1988, tr. 67), nhà nghiên cứu Đắc Nhẫn (Tìm hiểu âm nhạc cải lương, Nxb TP. HCM, 1987, tr. 41), hai nhà sử học Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế (Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Nxb KHXH, 1992) không cho biết năm khởi thảo, nhưng đều nói bài Dạ cổ hoài lang ra đời năm 1818.

-Nhạc sĩ Trương Bình Tòng (Kỷ yếu Từ Dạ cổ hoài lang, Nxb Mũi Cà Mau, 1992, tr. 50), Lâm Tường Vân (Đặc san Quý Dậu 1993, Hội Ái hữu Bạc Liêu Nam Cali, tr. 28), Nguyễn Tư Quang (Tạp chí Bách Khoa số 63", Sài Gòn, 1959) thì năm sinh của bài Dạ cổ hoài lang là năm 1919.

\*Nhà nghiên cứu Toan Ánh nói "vào khoảng năm 1920" (Tìm hiểu nghệ thuật cầm ca, Nxb Đồng Tháp, 1998, tr. 207-208)

-Ông Anh Đệ (Nghệ thuật sân khấu, Viện sân khấu, 1987, tr. 59) cho rằng năm sinh của bài Dạ cổ hoài lang là 1915.

Tuy nhiên, ý kiến cho rằng bài "Dạ cổ hoài lang" ra đời ngày 15 tháng 8 (âm lịch) năm Mậu Ngọ (nhằm ngày 19 tháng 9 năm 1918) được đa số nghệ sĩ Bạc Liêu (4) và nhiều người đồng thuận hơn.

## 2.3 Nghi vấn

Ông Nguyễn Tư Quang, tác giả bài báo "Thử tìm xuất xứ bài Vọng cổ" cho biết:

"...Thoát thai của bản nhạc vốn là bài thơ có dạng như là một bài phú 20 câu lấy nhan đề là "Dạ cổ hoài lang". Bài này do một nhà sư có pháp danh Nguyệt Chiếu, không rõ họ tên thật, tu trong một ngôi chùa ở làng Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Bài Dạ cổ ra đời năm 1919..."(tạp chí Bách Khoa số 63, 1959, tr. 65)

Ý kiến này được nhà nghiên cứu Toan Ánh đồng thuận, ông viết:

"Ở chùa Hòa Bình tỉnh Bạc Liêu, có một nhà sư pháp danh là Nguyệt Chiếu. Thấy nhà sư nho học uyên thâm với tư tưởng ẩn dật, người ta đoán chừng là một văn nhân chống Pháp trong thời Cần Vương, nay thất thời nên tạm lánh mình vào cửa Phật...Tuy đã đi tu nhưng vẫn mang nặng tình non nước nên nhà sư mới đem tâm sự mình ký gửi vào bài từ, đề là Dạ cổ hoài lang. Và bài thơ này được ông Sáu Lầu phổ ra nhạc..." (Toan Ánh, Tìm hiểu nghệ thuật cầm ca, NXB Đồng Tháp, 1998, tr. 207-208.)

Năm 1989, tại cuộc hội thảo ở Bạc Liêu, nhạc sĩ Trương Bình Tòng cũng đã phát biểu:

"Vào những năm 1950-1952, nhóm sưu tầm nghiên cứu dân ca và cổ nhạc Nam Bộ gồm nhạc sĩ Quách Vũ, Ngọc Cung và ông. Rất tiếc là lúc ấy ông Cao Văn Lầu đang bệnh không ra được vùng giải phóng. Nhưng cũng may là nhóm tài tử ở Long Điền có người biết rành cho hay ông Sáu đã dựa vào bài thơ của nhà sư Nguyệt Chiếu mà phổ nhạc. Nhạc của nó là sự kết hợp giữa hai bài Hành Vân và Xuân nữ.(Từ Dạ cổ hoài lang, Nxb Mũi Cà Mau, 1992, tr.52-53.)

Nhưng qua tìm hiểu của ông Trần Phước Thuận ở Hội khoa học lịch sử Bạc Liêu (sách ghi bên dưới), thì:

"Ở Bạc Liêu chỉ có một nhà sư pháp danh là Đạt Bảo tự Nguyệt Chiếu (1882-1947), trước ở chùa Vĩnh Phước An sau dời về chùa Vĩnh Đức, hiện mồ mã của nhà sư nằm ở sau chùa Vĩnh Đức. Không có chùa nào mang tên Hòa Bình như các tài liệu trên đã ghi. Ông vốn là tiền bối về nhạc lễ cổ truyền nhưng ông chưa bao giờ làm thơ. Các đệ tử của ông hiện còn sống đều xác nhận như vậy và chẳng ai nghe thầy nói gì về bài thơ trên. Như vậy, cái thuyết cho rằng "ông sáu Lầu đã dựa vào bài thơ của

nhà sư Nguyệt Chiếu để sáng tác ra bản Dạ cổ hoài lang năm 1919" là hoàn toàn không có căn cứ."

## 2. 4 Lời bài ca

Từ là từ phu tướng,  
Bảo kiếm sắc phong lên đàng.  
Vào ra luống trông tin chàng.  
Năm canh mơ màng.  
Em luống trông tin chàng,  
Ồi gan vàng quặn đau.  
Đường dù xa ong bướm,  
Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang.  
Đêm luống trông tin chàng,  
Ngày mỗi mòn như đá Vọng phu.  
Vọng phu vọng luống trông tin chàng.  
Sao nhớ phũ phàng...  
Chàng là chàng có hay?  
Đêm thiếp nằm luống những sầu tây.  
Bao thuở đó đây sum vầy,  
Duyên sắc cầm lạt phai.  
Là nguyện cho chàng  
Hai chữ an bình an.  
Mau trở lại gia đàng,  
Cho én nhận hiệp đôi.

Ông Trần Đức Thuận nhận xét:

"Bản Dạ cổ hoài lang không dừng lại ở nguyên dạng như các bản nhạc cổ khác mà dần dần biến đổi hình thức, phát triển thành bản Vọng cổ làm thay đổi một phần lớn bộ mặt Cải lương. Đây cũng là điều tối ưu của nó, có lẽ là do tiếng nhạc du dương và lời ca bình dị rất hợp với người Nam Bộ; hình ảnh người chinh phụ ở đây đã hòa nhập thực sự vào cuộc đời thường, phản ánh đúng tâm trạng yếu đuối của người phụ nữ khi xa chồng, nhất là trong những hoàn cảnh bất buộc phải chia duyên rẽ thụy. Có lẽ chính cái "tính thường" này đã làm rung cảm người nghe..."

## 2.5 Thông tin thêm

- Bài này được đưa lên sân khấu lần đầu bởi gánh hát Năm Tú ở Mỹ Tho, rồi sau đó được sử dụng rộng rãi, nhất là trong tuồng cải lương. Và cũng vì thế, bản "Dạ cổ hoài lang" được chuyển dần thành nhiều nhịp. Năm 1924, tăng lên nhịp bốn. Từ khoảng 1934 đến 1944, tăng lên nhịp tám. Từ khoảng 1944 đến 1954, "Vọng cổ" tăng lên nhịp 16. Từ 1955 đến 1964, tăng lên nhịp 32 rồi nhịp 64 từ năm 1965 đến nay.

-Nhạc sĩ Cao Văn Lầu là cha đẻ "Dạ cổ hoài lang" khởi điểm từ nhịp hai. Bản "Vọng cổ" từ nhịp bốn trở đi, trên những chặng đường phát triển, thuộc công trình chung của tài tử bốn phương. Và ông tổ cải lương không phải là Cao Văn Lầu, vì bản "Dạ cổ hoài lang" chào đời năm 1918, trong khi sân khấu cải lương ra đời khoảng năm 1916.

### **Bùi Thụy Đào Nguyên, giới thiệu**

*Long Xuyên, tháng 10 năm 2008.*

### **Chú thích:**

(1) Bài Cao Văn Lầu có phải ông tổ ngành Cải lương? (báo Thanh Niên) tại địa chỉ: <http://vietbao.vn/Van-hoa/Cao-Van-Lau-co-phai-ong-to-nganh-cai-luong/10869813/107/>

(2) Bài Bản Dạ cổ hoài lang (nhịp 2) đã ra đời như thế nào ? của Trung Tín tại địa chỉ:

<http://www.cailuongtheatre.vn/news/151/62/d,detail-lichsu.tpl/>

(3) Năm 1919 là năm đổi tên Dạ cổ thành Vọng cổ. YU kiến này được nhà thơ kiêm soạn giả cải lương Kiên Giang đồng thuận (Báo Long An", ngày 18 tháng 7 năm 1986). Tuy nhiên, theo bài viết trên báo Thanh Niên (dẫn bên trên), thì: "Trên những chặng đường phát triển, khi Vọng cổ hoài lang được nâng lên nhịp 8 (từ khoảng năm 1934 đến 1944) thì nó có tên mới là Vọng cổ, không còn đuôi hoài lang".

(4) Ở Bạc Liêu từ nhiều năm nay, đang lưu hành trong giới đàn ca tài tử một bài Văn Thiên Trường (đủ ba lớp) nhan đề là "Cuộc đời Cao Văn Lầu", trong đó câu 7 và câu 8 như sau: "*Bản Dạ cổ hoài lang thương nhớ mơ màng, gan vàng khắc sấu. Chẳng bao lâu trong tim người nhụy nở hoa khai, bực sắc tài nào để mấy ai, năm một ngàn chín trăm mười tám chính thức ra đời...*"

### **Tài liệu tham khảo:**

Ngoài những trang web và tài liệu đã dẫn trong bài, người soạn còn tham khảo thêm:

-Trần Phước Thuận, "Bàn về thời điểm ra đời và nguồn gốc của bản Dạ cổ hoài lang", in trong Nam Bộ - Đất và Người tập 2, Nxb trẻ, 2004, tr 266-271.

-Trần Đức Thuận, "Cuộc đời Cao Văn Lầu và nguyên nhân ra đời bản Dạ cổ hoài lang", in trong "Nam Bộ - Đất và Người", tập 2, NXB Trẻ, 2004, tr.259-265.

*Nguồn: Chim Việt Cành Nam*